

BẢO ĐẢM QUYỀN CON NGƯỜI TRONG QUẢN TRỊ SỐ Ở VIỆT NAM NĂM 2026: TIẾP CẬN QUYỀN RIÊNG TƯ VÀ DỮ LIỆU CÁ NHÂN

LẠI VĂN HẢI

Trường Đại học Điều dưỡng Nam Định

Nhận bài ngày 06/4/2026. Sửa chữa xong 10/5/2026. Duyệt đăng 30/5/2026.

Abstract

This article examines the protection of human rights in digital governance in Viet Nam through the approach of privacy and personal data. Based on the 2013 Constitution, the 2025 Law on Personal Data Protection, and international orientations on human rights-based digital governance, the article argues that the current challenge lies not only in the formal recognition of rights but mainly in implementation, risk control, and accountability. The study shows that personal data, digital platforms, and artificial intelligence create both opportunities and new risks for human rights, especially the rights to privacy, to be informed, and to control personal information. It therefore proposes legal improvement, stronger independent monitoring, enhanced implementation capacity, and more transparent accountability mechanisms to better protect human rights in Viet Nam's digital environment.

Keywords: Human rights, digital governance, privacy, personal data, implementation, monitoring, Vietnam.

1. Đặt vấn đề

Quản trị số đang làm thay đổi sâu sắc cách Nhà nước, doanh nghiệp và công dân tương tác với nhau, đồng thời tạo ra không gian mới cho việc thụ hưởng cũng như xâm hại quyền con người. Nếu trước đây quyền con người chủ yếu được bảo vệ trong không gian vật lý và bằng các cơ chế pháp lý truyền thống thì năm 2026, dữ liệu cá nhân, nền tảng số, trí tuệ nhân tạo và các hệ thống tự động hóa đã trở thành trung tâm của đời sống xã hội, nơi quyền riêng tư và quyền kiểm soát dữ liệu trở nên đặc biệt quan trọng (Đảng Cộng sản Việt Nam, 2021, tr. 152; Quốc hội, 2025, tr. 12-15). Ở Việt Nam, Hiến pháp năm 2013 khẳng định Nhà nước công nhận, tôn trọng, bảo vệ và bảo đảm quyền con người, quyền công dân; đồng thời quy định quyền chỉ có thể bị hạn chế theo luật trong những trường hợp cần thiết (Quốc hội, 2021, tr. 14-16). Trên nền tảng hiến định đó, Luật Bảo vệ dữ liệu cá nhân năm 2025, có hiệu lực từ ngày 01/01/2026 đã tạo ra khung pháp lý mới cho việc bảo vệ quyền riêng tư và kiểm soát dữ liệu cá nhân. Luật này ghi nhận các quyền của chủ thể dữ liệu như quyền được biết, quyền đồng ý hoặc không đồng ý, quyền rút lại sự đồng ý, quyền truy cập, chỉnh sửa, xóa, hạn chế xử lý, phản đối xử lý, khiếu nại và yêu cầu bồi thường (Quốc hội, 2025, tr. 18-24; LuậtVietnam, 2026, tr. 2-4). Tuy nhiên, thực tiễn quản trị số cho thấy sự tồn tại của quy định pháp luật chưa đủ để bảo đảm quyền con người một cách đầy đủ. Dữ liệu cá nhân hiện được thu thập và xử lý qua mạng xã hội, thương mại điện tử, dịch vụ công trực tuyến, nền tảng số và hệ thống trí tuệ nhân tạo; trong khi đó, nguy cơ xâm phạm quyền riêng tư, lạm dụng dữ liệu, theo dõi hành vi, suy luận hồ sơ cá nhân hoặc xử lý tự động thiếu minh bạch ngày càng tăng. Vì vậy, cần chuyển từ cách tiếp cận thuần túy mô tả pháp lý sang cách tiếp cận dựa trên rủi ro, trách nhiệm giải trình và giám sát thực thi (UNESCO, 2026, tr. 9-12; OHCHR, 2024, tr. 5-7). Sự chuyển dịch này còn phản ánh yêu cầu phải đặt con người ở trung tâm của quản trị số. Trong một hệ sinh thái số vận hành nhanh, tự động và phụ thuộc nhiều vào dữ liệu, nếu không có các nguyên tắc kiểm soát đủ mạnh thì nguy cơ mở rộng theo dõi, gia tăng phân loại hành vi và tạo ra bất bình đẳng số sẽ xuất hiện rất nhanh. Do đó, ngay từ phần mở đầu của nghiên cứu cần xác định rằng quyền con người trong môi trường số không chỉ là câu chuyện về quyền riêng tư mà còn là câu chuyện về cách thiết kế, vận

Email: laivanhai80@gmail.com

hành và giám sát các hệ thống số sao cho phù hợp với phẩm giá con người và nguyên tắc pháp quyền (OHCHR, 2025a, tr. 3-5; UNESCO, 2026, tr. 14-18). Từ yêu cầu đó, bài viết tập trung phân tích cơ sở lý luận và pháp lý của việc bảo đảm quyền con người trong môi trường số; đánh giá thực trạng thực thi và giám sát thực thi ở Việt Nam; chỉ ra những vấn đề nổi bật đang đặt ra; đồng thời đề xuất một số định hướng hoàn thiện nhằm tăng cường hiệu quả bảo vệ quyền trong bối cảnh chuyển đổi số đang diễn ra ngày càng sâu rộng. Cách tiếp cận này góp phần làm rõ rằng quyền con người trong kỷ nguyên số chỉ thực sự được bảo vệ khi được đặt trong một mô hình quản trị có khả năng dự báo rủi ro, ngăn ngừa vi phạm và yêu cầu giải trình rõ ràng (Quốc hội, 2025, tr. 18-24; UNESCO, 2026, tr. 20-24).

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Cơ sở lý luận và pháp lý

Quyền riêng tư là một bộ phận cốt lõi của quyền con người, gắn chặt với phẩm giá, tự do và khả năng tự quyết của cá nhân. Trong môi trường số, quyền riêng tư không chỉ là quyền được ở một mình mà còn là quyền kiểm soát thông tin cá nhân, quyền quyết định về việc ai được thu thập, sử dụng, chia sẻ và lưu trữ dữ liệu của mình. Từ góc độ này, dữ liệu cá nhân trở thành dấu vết số của con người nên mọi hoạt động xử lý dữ liệu đều có khả năng tác động trực tiếp đến quyền con người (Đoàn Trường Thụ, 2019, tr. 45-47; Quốc hội, 2025, tr. 12-15).

Về mặt lý luận, bảo đảm quyền riêng tư và dữ liệu cá nhân cần dựa trên ba nguyên tắc: tôn trọng con người, tối thiểu hóa rủi ro và trách nhiệm giải trình. Tôn trọng con người đòi hỏi các quyết định công nghệ phải đặt con người ở vị trí trung tâm, không được biến cá nhân thành đối tượng bị theo dõi hay thao túng. Tối thiểu hóa rủi ro nghĩa là việc thu thập và xử lý dữ liệu chỉ được tiến hành trong phạm vi cần thiết, có mục đích rõ ràng và tương xứng với lợi ích cần đạt được. Trách nhiệm giải trình yêu cầu các cơ quan, doanh nghiệp và nền tảng phải chứng minh được tính hợp pháp, minh bạch và an toàn của hoạt động xử lý dữ liệu (OHCHR, 2025a, tr. 3-5; UNESCO, 2026, tr. 14-18). Ba nguyên tắc này không tồn tại tách biệt mà tạo thành một cấu trúc bảo vệ quyền thống nhất. Nếu chỉ nhấn mạnh tôn trọng con người mà không có cơ chế kiểm soát rủi ro, các hệ thống số vẫn có thể tạo ra hậu quả bất lợi ngoài dự kiến. Nếu chỉ nói đến minh bạch nhưng thiếu trách nhiệm giải trình, người dân có thể biết dữ liệu được xử lý như thế nào nhưng vẫn không có khả năng yêu cầu khắc phục khi bị xâm hại. Do đó, mô hình bảo vệ quyền trong môi trường số phải kết hợp đồng thời giữa chuẩn mực pháp lý, quản trị nội bộ và giám sát xã hội (OHCHR, 2024, tr. 6-8; UNESCO, 2026, tr. 20-24). Trong môi trường số, yêu cầu tôn trọng con người còn hàm ý rằng các thiết kế công nghệ phải tính đến sự đa dạng của người sử dụng. Những nhóm yếu thế, nhóm có kỹ năng số thấp, người cao tuổi, trẻ em hoặc những người phụ thuộc nhiều vào dịch vụ công trực tuyến thường chịu rủi ro cao hơn khi dữ liệu bị lạm dụng hoặc khi quyết định tự động được áp dụng mà không có cơ chế giải thích phù hợp. Từ đó, nguyên tắc lấy con người làm trung tâm không chỉ là khẩu hiệu chính sách mà phải được chuyển hóa thành yêu cầu cụ thể trong thiết kế giao diện, ngôn ngữ thông báo, quy trình đồng ý và cơ chế khiếu nại (OHCHR, 2025a, tr. 3-5; UNESCO, 2026, tr. 14-18).

Về cơ sở pháp lý ở Việt Nam, Hiến pháp năm 2013 là nền tảng hiến định quan trọng khi khẳng định quyền con người, quyền công dân được công nhận, tôn trọng, bảo vệ và bảo đảm theo Hiến pháp và pháp luật. Bước tiến nổi bật là Luật Bảo vệ dữ liệu cá nhân năm 2025, có hiệu lực từ năm 2026, ghi nhận đầy đủ hơn quyền của chủ thể dữ liệu và đặt ra các nghĩa vụ tương ứng đối với bên kiểm soát và xử lý dữ liệu. Bên cạnh đó, các nguyên tắc của UNESCO về quản trị nền tảng số và các tài liệu hướng dẫn của OHCHR nhấn mạnh yêu cầu đánh giá tác động, minh bạch, tiếp cận thông tin và cơ chế khiếu nại hiệu quả như là những thành tố không thể thiếu của quản trị số dựa trên quyền con người (Quốc hội, 2025, tr. 18-24; UNESCO, 2026, tr. 8-10; OHCHR, 2024, tr. 6-8). Từ góc độ pháp lý, có thể thấy pháp luật Việt Nam đang dần chuyển từ cách tiếp cận quy định rai rác sang định hình một khung bảo vệ dữ liệu và quyền riêng tư thống nhất hơn. Điều này có ý nghĩa đặc biệt quan trọng vì hoạt động xử lý dữ liệu hiện nay không còn diễn ra trong một lĩnh vực riêng lẻ mà xuyên suốt từ thương mại điện tử, tài chính số, giáo dục, y tế đến quản trị hành chính công. Khi dữ liệu di chuyển qua nhiều hệ thống và nhiều chủ thể cùng tham gia xử lý, việc xác định nghĩa vụ của từng bên trở thành điều kiện thiết yếu để bảo vệ quyền con người có hiệu quả (LuậtVietnam, 2026, tr. 2-6; Quốc hội, 2025, tr. 18-24). Ngoài ra, việc tiếp cận cơ sở pháp lý của quyền con người trong môi trường số cũng cần đặt trong tương quan giữa pháp luật

quốc gia và chuẩn mực quốc tế. Việt Nam không thể tách rời các xu hướng quản trị số toàn cầu, nhất là trong bối cảnh các nền tảng xuyên biên giới, dịch vụ điện toán đám mây và các công nghệ trí tuệ nhân tạo ngày càng có ảnh hưởng lớn đến đời sống xã hội. Việc tham chiếu các khuyến nghị của UNESCO và OHCHR vì thế không chỉ có ý nghĩa học thuật mà còn góp phần định hướng cho quá trình hoàn thiện pháp luật và nâng cao năng lực thực thi trong nước (UNESCO, 2025, tr. 6-7; OHCHR, 2024, tr. 5-9).

2.2. Thực trạng thực thi và giám sát thực thi ở Việt Nam

Việt Nam những năm gần đây đã đạt được nhiều bước tiến quan trọng trong hoàn thiện pháp luật về quyền con người, đặc biệt là trong lĩnh vực dữ liệu cá nhân và quản trị số. Sự ra đời của Luật Bảo vệ dữ liệu cá nhân năm 2025 cho thấy Việt Nam đang chuyển từ cách tiếp cận quản lý dữ liệu phân tán sang một khuôn khổ pháp lý thống nhất hơn, trong đó quyền của chủ thể dữ liệu được xác lập rõ hơn. Điều này tạo cơ sở để người dân có thể yêu cầu được thông báo, truy cập, chỉnh sửa, xóa, phản đối xử lý và yêu cầu bảo vệ dữ liệu của mình (Quốc hội, 2025, tr. 18-24; LuậtVietnam, 2026, tr. 2-4). Cùng với đó, quá trình chuyển đổi số quốc gia đã mở rộng đáng kể khả năng tiếp cận thông tin và dịch vụ của người dân. Dịch vụ công trực tuyến, thanh toán số, hồ sơ điện tử, nền tảng giáo dục và các tiện ích y tế số, nếu được vận hành đúng cách, có thể giúp giảm chi phí tiếp cận, tăng tính thuận tiện và cải thiện khả năng tham gia của người dân vào đời sống kinh tế - xã hội. Ở góc độ này, môi trường số không chỉ tạo ra rủi ro mà còn mở ra cơ hội mới cho việc mở rộng không gian thực thi quyền con người trong thực tế (Đảng Cộng sản Việt Nam, 2021, tr. 152-154; UNESCO, 2026, tr. 8-12). Tuy vậy, thực tiễn cho thấy việc có luật chưa đồng nghĩa với việc quyền được bảo đảm đầy đủ trên thực tế. Trước hết, nhận thức của nhiều chủ thể về quyền riêng tư và dữ liệu cá nhân vẫn chưa đồng đều, đặc biệt trong các cơ quan, doanh nghiệp và nền tảng số có quy mô xử lý dữ liệu lớn. Không ít trường hợp người dùng chấp nhận điều khoản sử dụng mà không hiểu đầy đủ dữ liệu của mình đang được thu thập và khai thác ra sao. Điều này làm gia tăng khoảng cách giữa quyền được ghi nhận và quyền được thực thi (Lê Anh, 2022; LuậtVietnam, 2026, tr. 5-6).

Khoảng cách đó còn thể hiện ở chỗ nhiều cá nhân chưa có thói quen sử dụng các quyền của mình một cách chủ động. Dù pháp luật cho phép yêu cầu truy cập, chỉnh sửa hoặc phản đối xử lý dữ liệu nhưng trên thực tế, không phải lúc nào người dùng cũng biết cách thực hiện hoặc biết cần liên hệ với chủ thể nào. Khi quyền đã được thiết lập nhưng thiếu khả năng tiếp cận trong đời sống hằng ngày, hiệu lực bảo vệ quyền sẽ bị suy giảm đáng kể. Đây là một vấn đề không chỉ thuộc về nhận thức pháp lý mà còn liên quan trực tiếp đến thiết kế thủ tục và mức độ thân thiện của cơ chế thực thi (Quốc hội, 2025, tr. 18-24; OHCHR, 2025a, tr. 3-5). Một vấn đề khác là cơ chế giám sát và xử lý vi phạm còn chưa theo kịp tốc độ phát triển của công nghệ. Các nền tảng số và hệ thống trí tuệ nhân tạo có thể xử lý khối lượng dữ liệu rất lớn trong thời gian ngắn nhưng cơ chế phát hiện vi phạm, thanh tra, kiểm tra và khắc phục ở nhiều nơi vẫn còn chậm. Khi xảy ra vi phạm, việc xác định trách nhiệm của bên kiểm soát dữ liệu, bên xử lý dữ liệu, bên cung cấp hạ tầng hoặc bên thứ ba thường phức tạp và mất thời gian (OHCHR, 2025b, tr. 2-4; UNESCO, 2025, tr. 6-7). Trong nhiều tình huống, vi phạm không diễn ra dưới hình thức lộ lọt dữ liệu dễ nhận biết mà xuất hiện qua các quyết định thuật toán, cơ chế xếp hạng, gợi ý nội dung, hồ sơ hóa người dùng hoặc suy luận hành vi. Những tác động này có thể âm thầm nhưng kéo dài, ảnh hưởng đến cơ hội tiếp cận thông tin, tiếp cận dịch vụ hoặc tiếp cận các quyền lợi xã hội. Khi đó, việc chứng minh quyền bị xâm hại trở nên phức tạp hơn nhiều so với mô hình vi phạm truyền thống. Điều này cho thấy giám sát thực thi trong môi trường số cần kết hợp giữa kiểm soát pháp lý, kiểm toán kỹ thuật và năng lực phân tích tác động xã hội của công nghệ (OHCHR, 2025b, tr. 2-4; UNESCO, 2026, tr. 20-24). Ngoài ra, trách nhiệm giải trình của các chủ thể xử lý dữ liệu vẫn là khâu còn nhiều khoảng trống. UNESCO nhấn mạnh rằng nền tảng số cần có cơ chế thẩm định quyền con người, minh bạch và báo cáo trách nhiệm rõ ràng nhưng trên thực tế, nhiều hệ thống ở Việt Nam vẫn chưa phát triển đầy đủ các công cụ đánh giá tác động hoặc cơ chế khiếu nại thân thiện với người dùng. Vì vậy, việc bảo đảm quyền riêng tư và dữ liệu cá nhân không chỉ phụ thuộc vào luật mà còn phụ thuộc vào thiết kế thể chế, năng lực thực thi và sự chủ động của các chủ thể liên quan (UNESCO, 2026, tr. 20-24; OHCHR, 2024, tr. 7-9).

Một thực tế đáng lưu ý khác là năng lực thực thi giữa các cơ quan, tổ chức và địa phương chưa đồng đều. Trong khi một số đơn vị có điều kiện đầu tư hạ tầng số, nhân lực chuyên trách và quy trình xử lý dữ liệu tương

đổi rõ thì nhiều đơn vị khác còn lúng túng trong việc phân định trách nhiệm, lưu trữ hồ sơ hoặc xây dựng cơ chế phản hồi cho người dân. Sự không đồng đều này có thể làm phát sinh chênh lệch về mức độ bảo vệ quyền trong những không gian số khác nhau, từ đó đặt ra yêu cầu phải chuẩn hóa quy trình và tăng cường hướng dẫn thực thi ở phạm vi toàn hệ thống (Quốc hội, 2025, tr. 18-24; UNESCO, 2026, tr. 14-18).

Về bình diện xã hội, môi trường số còn tạo ra một thách thức khác là thói quen chia sẻ thông tin quá mức của một bộ phận người dùng. Nhiều cá nhân cung cấp dữ liệu cá nhân một cách nhanh chóng để đổi lấy sự tiện lợi mà ít chú ý đến rủi ro lâu dài. Khi quyền riêng tư bị xem nhẹ từ phía người dùng, khả năng tự bảo vệ giảm đi đáng kể và điều này vô tình làm tăng gánh nặng lên cơ quan quản lý cũng như doanh nghiệp trong việc thiết kế các biện pháp bảo vệ phù hợp hơn. Do đó, thực thi quyền trong môi trường số không chỉ là vấn đề của Nhà nước mà còn là vấn đề của văn hóa sử dụng công nghệ trong toàn xã hội (OHCHR, 2024, tr. 5-7; UNESCO, 2026, tr. 14-24).

2.3. Vấn đề đặt ra và đề xuất giải pháp

2.3.1. Thu hẹp khoảng cách giữa quy định pháp luật và thực tiễn thực thi

Luật Bảo vệ dữ liệu cá nhân năm 2025 đã xác lập nhiều quyền cho chủ thể dữ liệu nhưng để quyền đó trở thành quyền năng thực chất cần có quy trình nội bộ, biểu mẫu, đầu mối xử lý và cơ chế phản hồi rõ ràng từ phía cơ quan, doanh nghiệp và nền tảng số. Nếu thiếu các điều kiện này, quyền trên giấy sẽ khó đi vào cuộc sống (Quốc hội, 2025, tr. 18-24; LuậtVietnam, 2026, tr. 5-6). Khoảng cách giữa pháp luật và thực tiễn cũng phản ánh một vấn đề rộng hơn là khả năng chuyển hóa quy phạm thành hành động quản trị hằng ngày. Trong môi trường số, người dân không thể tự bảo vệ quyền của mình chỉ bằng việc biết rằng quyền đó đã được pháp luật ghi nhận. Họ cần các thủ tục dễ tiếp cận, thông báo dễ hiểu, đầu mối rõ ràng và thời hạn xử lý minh bạch. Chính ở tầng vận hành này, hiệu quả của bảo vệ quyền con người mới được kiểm chứng một cách thực chất (OHCHR, 2024, tr. 6-8; Quốc hội, 2025, tr. 18-24).

2.3.2. Nâng cao năng lực của đội ngũ cán bộ, công chức, doanh nghiệp và người dân về quản trị dữ liệu

Quyền riêng tư trong môi trường số là vấn đề mới, đòi hỏi hiểu biết không chỉ về pháp luật mà còn về rủi ro thuật toán, an ninh mạng, thiết kế nền tảng và quản trị dữ liệu. Khi năng lực nhận thức còn hạn chế, khả năng tự bảo vệ của người dân và khả năng thực thi của tổ chức cũng bị ảnh hưởng (Đảng Cộng sản Việt Nam, 2021, tr. 152-154; UNESCO, 2026, tr. 14-18). Việc nâng cao năng lực không nên chỉ hiểu là tổ chức các lớp tập huấn chung chung mà cần gắn với từng nhóm chủ thể cụ thể. Cơ quan nhà nước cần được bồi dưỡng về trách nhiệm xử lý dữ liệu và nghĩa vụ giải trình; doanh nghiệp cần được hướng dẫn về đánh giá tác động và quản trị rủi ro; còn người dân cần được trang bị kỹ năng nhận biết rủi ro, đọc hiểu điều khoản sử dụng và sử dụng quyền của mình khi cần thiết. Chỉ khi cả ba nhóm chủ thể cùng được nâng cao năng lực, cơ chế bảo vệ quyền mới có thể vận hành đồng bộ (UNESCO, 2026, tr. 14-18; OHCHR, 2025a, tr. 3-5).

2.3.3. Hoàn thiện cơ chế giám sát độc lập, minh bạch và có khả năng phản ứng nhanh

Giám sát thực thi quyền không thể chỉ là kiểm tra hành chính thông thường mà phải bao gồm đánh giá tác động trước khi triển khai công nghệ, giám sát thường xuyên trong quá trình vận hành và cơ chế tiếp nhận khiếu nại, giải quyết tranh chấp, khắc phục vi phạm kịp thời. Đây là điều kiện quan trọng để quyền riêng tư không bị triệt tiêu bởi tốc độ vận hành của công nghệ (OHCHR, 2024, tr. 6-8; UNESCO, 2026, tr. 20-24). Trong bối cảnh các hệ thống trí tuệ nhân tạo và nền tảng số có thể tạo ra tác động lớn trên diện rộng, giám sát còn phải hướng tới việc phát hiện sớm nguy cơ chứ không chỉ xử lý hậu quả sau vi phạm. Điều đó đòi hỏi có cơ chế lưu vết, kiểm tra định kỳ, đánh giá độc lập và khả năng tạm dừng hoặc điều chỉnh các hệ thống có rủi ro cao đối với quyền con người. Mô hình giám sát hiệu quả vì thế phải kết hợp giữa chức năng quản lý nhà nước, kiểm soát nội bộ của tổ chức và sự tham gia phản biện từ phía xã hội (OHCHR, 2025b, tr. 2-4; UNESCO, 2026, tr. 20-24).

2.3.4. Tăng cường trách nhiệm giải trình của các chủ thể xử lý dữ liệu

Người dân phải biết dữ liệu của mình được dùng vào mục đích gì, ai đang xử lý, ai được chia sẻ và khi có sai phạm thì ai chịu trách nhiệm. Minh bạch hóa thông tin, đơn giản hóa cơ chế yêu cầu và tăng chế tài xử lý vi phạm là các biện pháp cần thiết để tạo niềm tin cho xã hội số (OHCHR, 2025a, tr. 3-5; UNESCO, 2025, tr. 6-7). Trách nhiệm giải trình cần được hiểu không chỉ là nghĩa vụ báo cáo sau khi có sự cố mà còn là năng lực giải

thích và chứng minh tính hợp pháp của toàn bộ quá trình xử lý dữ liệu. Một chủ thể xử lý dữ liệu chỉ thực sự có trách nhiệm khi có thể chỉ ra cơ sở pháp lý của việc thu thập, mục đích sử dụng, giới hạn chia sẻ, biện pháp an toàn và cơ chế xử lý khi cá nhân phản đối hoặc khiếu nại. Yêu cầu này đặc biệt quan trọng đối với các hệ thống có yếu tố tự động hóa cao, nơi các quyết định có thể ảnh hưởng đáng kể đến quyền và lợi ích của con người (OHCHR, 2025a, tr. 3-5; UNESCO, 2026, tr. 20-24). Bên cạnh đó, cần thúc đẩy văn hóa tôn trọng dữ liệu và quyền riêng tư trong toàn xã hội. Pháp luật có thể tạo ra khuôn khổ và chế tài nhưng việc bảo vệ quyền con người trong môi trường số về lâu dài còn phụ thuộc vào thói quen ứng xử của cơ quan, doanh nghiệp và người dùng. Khi dữ liệu cá nhân được nhìn nhận như một thành tố gắn với phẩm giá và tự do của con người, thay vì chỉ là tài nguyên kỹ thuật, nền tảng xã hội cho bảo vệ quyền mới thực sự được củng cố (Đoàn Trường Thụy, 2019, tr. 45-47; UNESCO, 2026, tr. 14-18). Một đề xuất quan trọng khác là cần gắn bảo vệ quyền con người với đánh giá tác động công nghệ ngay từ khâu thiết kế. Những hệ thống có khả năng ảnh hưởng lớn đến quyền riêng tư, tiếp cận dịch vụ hoặc cơ hội xã hội không nên chỉ được xem xét về mặt kỹ thuật mà còn phải được đánh giá về tác động xã hội và tác động quyền con người. Cách tiếp cận này giúp giảm thiểu rủi ro từ sớm và tránh tình trạng phải xử lý hậu quả khi thiệt hại đã lan rộng trên diện rộng (OHCHR, 2024, tr. 5-9; UNESCO, 2026, tr. 20-24).

3. Kết luận

Bảo đảm quyền con người trong quản trị số ở Việt Nam năm 2026 cần được nhìn nhận không chỉ từ góc độ mô tả pháp lý mà còn từ yêu cầu quản trị rủi ro và trách nhiệm giải trình trong toàn bộ vòng đời xử lý dữ liệu và vận hành công nghệ số. Quyền riêng tư và dữ liệu cá nhân là nội dung trung tâm của bảo vệ quyền con người trong môi trường số, bởi đây là nơi con người để lại dấu vết số và cũng là nơi các nguy cơ xâm hại quyền có thể phát sinh nhanh, rộng và khó kiểm soát hơn trước. Chuyển đổi số ngày càng tiếp tục được mở rộng hơn nữa trong y tế, giáo dục, an sinh xã hội, tài chính và quản trị đô thị, yêu cầu bảo vệ quyền con người sẽ càng trở nên cấp bách. Sự thành công của chuyển đổi số không thể chỉ được đo bằng tốc độ xử lý hay mức độ kết nối mà còn phải được đo bằng khả năng bảo đảm an toàn pháp lý. Đây chính là tiêu chí quan trọng để bảo đảm rằng phát triển công nghệ ở Việt Nam luôn gắn với mục tiêu phát triển con người và phát triển bền vững (Quốc hội, 2021, tr. 14-16; UNESCO, 2026, tr. 20-24). Từ thực tiễn pháp luật và quản trị ở Việt Nam có thể thấy rằng bước tiến về lập pháp là rất quan trọng nhưng hiệu quả bảo vệ quyền chỉ được bảo đảm khi đi kèm với cơ chế thực thi rõ ràng, giám sát độc lập, năng lực tổ chức thực hiện và trách nhiệm giải trình thực chất. Vì vậy, việc hoàn thiện pháp luật, sắp xếp lại cơ chế kiểm soát rủi ro, nâng cao nhận thức xã hội và xây dựng văn hóa tôn trọng dữ liệu cá nhân là những yêu cầu cấp thiết hiện nay.

Tài liệu tham khảo

- Đảng Cộng sản Việt Nam (2021). *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII* (tập 1). NXB Chính trị Quốc gia Sự thật.
- Đoàn Trường Thụy (2019). *Quyền con người trong tiến bộ xã hội*. NXB Lý luận chính trị.
- Hoàng Minh Khôi (2026). *Luật Bảo vệ dữ liệu cá nhân và vấn đề thực thi - Kinh nghiệm từ một số quốc gia phát triển*. <https://tapchitoaan.vn/luat-bao-ve-du-lieu-ca-nhan-va-van-de-thuc-thi-kinh-nghiem-tu-mot-so-quoc-gia-phat-trien15184.html>, ngày 16/3/2026.
- LuatVietnam (2026). *Law on Personal Data Protection and the guiding documents*, <https://english.luatvietnam.vn/legal-updates/the-latest-law-on-personal-data-protection-and-the-guiding-documents-892-106778-article.htm>.
- Lê Anh (2022). *Cần sớm khắc phục triệt để tình trạng chậm ban hành văn bản hướng dẫn thi hành luật*. <https://quochoi.vn/Pages/default.aspx>.
- OHCHR (2024). *Human Rights Due Diligence for Digital Technology Use: Guidance of the Secretary-General*. <https://www.ohchr.org/en/documents/tools-and-resources/human-rights-due-diligence-digital-technology-use-guidance-secretary>, pp. 5-9.
- OHCHR (2025a). *Human Rights Due Diligence for Digital Technology Use: Data*, <https://www.ohchr.org/sites/default/files/2025-09/ohchr-brief-data.pdf>, pp. 3-5.
- OHCHR (2025b). *AI - Human Rights Due Diligence for Digital Technology Use*, <https://www.ohchr.org/sites/default/files/2025-09/ohchr-brief-ai.pdf>, pp. 2-4.
- Quốc hội (2021). *Hiến pháp năm 2013 nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam*. NXB Chính trị Quốc gia Sự thật.
- Quốc hội (2025). *Luật Bảo vệ dữ liệu cá nhân*. Luật số 91/2025/QH15, ngày 26/6/2025, tr. 12-24.
- Trần Ngọc Tuấn (2022). Bảo vệ quyền riêng tư theo pháp luật quốc tế. *Tạp chí Dân chủ và Pháp luật*, 2 (359), 40-46.
- UNESCO (2025). *Guidelines for the Governance of Digital Platforms*. <https://www.unesco.org/en/articles/guidelines-governance-digital-platforms>, pp. 6-7.
- UNESCO (2026). *Guidelines for the Governance of Digital Platforms*, <https://www.unesco.org/en/internet-trust/guidelines>, pp. 8-24.
- Vũ Công Giao, Lê Trần Như Tuyên (2020). Bảo vệ quyền đối với dữ liệu cá nhân trong pháp luật quốc tế, pháp luật ở một số quốc gia và giá trị tham khảo cho Việt Nam. *Tạp chí Nghiên cứu Lập pháp*, 09 (409), 55-64.